

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁC ÁI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2022

V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Đức Hiệp.

Ông Trương Thọ Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Thành Chế Trọng Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị A, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện BA, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Số 01 Lê D, Khu phố a, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn V, sinh năm 1975. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện BA, tỉnh Ninh Thuận.

Nơi làm việc: Trạm quản lý bảo vệ rừng P, trực thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu. (Địa chỉ: xã P, huyện BA, tỉnh Ninh Thuận)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị A và anh V chung sống với nhau vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 20/11/2002 mới đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N. Sau khi kết hôn, hai người về sống tại thôn T, xã P, huyện BA. Cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn

nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Từ khoảng tháng 4/2018 đến nay, hai người sống ly thân, bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị A và anh V có 02 (hai) người con chung là anh Nguyễn Sĩ T, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1998 và chị Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001. Các con đã thành niên, lao động tự túc được nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 18/5/2022, anh V trình bày:

Về hôn nhân: Anh V và chị A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N. Sau khi kết hôn, hai người về sống tại thôn T, xã P, huyện BA, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã. Từ khoảng tháng 4/2018 đến nay, hai người sống ly thân, bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau, anh V đang làm việc tại Trạm quản lý bảo vệ rừng P, trực thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu. Nay hạnh phúc gia đình không có, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V thì anh V không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng về sống đoàn tụ.

Đã nhiều lần anh V hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nếu chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì anh V yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc theo pháp luật.

Về con chung: Anh V và chị A có 02 (hai) người con chung là anh Nguyễn Sĩ T, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1998 và chị Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001. Các con đã thành niên, lao động tự túc được nên anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như nhiều lần vắng mặt theo giấy báo triệu tập của Tòa án. Nay bị đơn đã làm đơn đề nghị Tòa án xét xử

vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bác Ái phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây vụ án tranh chấp Ly hôn. Bị đơn cư trú và làm việc tại huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A. Chị A được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Các con đã thành niên, có khả năng lao động tự túc được. Chị A và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000079 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bác Ái. Chị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú và làm việc tại huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

Anh V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về hôn nhân: Chị A và anh V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 20/11/2002 mới đăng kết hôn

tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, về sau do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nên mâu thuẫn gia đình xảy ra và ngày càng trầm trọng. Từ khoảng tháng 4/2018 đến nay, hai người đã sống ly thân, bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V thì anh V không đồng ý ly hôn, anh V xin được đoàn tụ gia đình vì còn thương vợ con.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy: Mâu thuẫn giữa chị A và anh V đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, nên yêu cầu ly hôn của chị A được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có hai người con là anh Nguyễn Sĩ T, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1998 và chị Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001. Các con đã thành niên, có khả năng lao động tự túc được. Chị A và anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị A. Chị Phạm Thị A được ly hôn với anh Nguyễn V.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000079 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bác Ái. Chị Phạm Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bắc Ái;
- Chi cục THADS huyện Bắc Ái;
- UBND thị trấn T;
- UBND xã P;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Kim Đồng